

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN
CHỨC DANH: PHÓ GIÁO SU

Mã hồ sơ:



(Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ; Nội dung không đúng thì để trống:)

Đối tượng đăng ký: Giảng viên ; Giảng viên thỉnh giảng

Ngành: Sinh học; Chuyên ngành: Công nghệ sinh học

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên người đăng ký: KIM THỊ PHƯƠNG OANH

2. Ngày tháng năm sinh: 10/ 09/ 1975 ; Nam ; Nữ ; Quốc tịch: Việt Nam;

Dân tộc: Kinh.; Tôn giáo: Không

3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam:

4. Quê quán (xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố): xã Nguyệt Đức, huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú (số nhà, phố/thôn, xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố): tổ dân phố Hoàng 18, phường Cổ Nhuế 1, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội

6. Địa chỉ liên hệ (ghi rõ, đầy đủ để liên hệ được qua Bru điện): Nhà số 2, ngách 29, ngõ 238 Hoàng Quốc Việt, phường Cổ Nhuế 1, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội.

Điện thoại nhà riêng:; Điện thoại di động: 0389910975; E-mail: ktpoanh@igr.ac.vn hoặc ktpoanh@gmail.com

7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):

Từ 4/ 2003 đến 3/2006: Nghiên cứu viên sau tiến sĩ (Postdoc), Phòng Tin sinh học, Viện năng lượng nguyên tử Nhật Bản.

Từ 4/ 2006 đến 3/2008: Nghiên cứu viên sau tiến sĩ (Postdoc), Khoa Khoa học tự nhiên, Trường Đại học nữ sinh Nara, Nhật Bản

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HDGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước
Từ 9/ 2008 đến 8/2012: Nghiên cứu viên, Viện Công nghệ sinh học, Viện Hàn lâm Khoa
học và Công nghệ Việt Nam

Từ 9/ 2012 đến nay: Nghiên cứu viên/ Nghiên cứu viên chính từ năm 2017, Viện Nghiên
cứu hệ gen, Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam

Chức vụ: Hiện nay: Trưởng phòng ; Chức vụ cao nhất đã qua:

Cơ quan công tác hiện nay: Viện Nghiên cứu hệ gen, Viện Hàn lâm Khoa học và Công
nghệ Việt Nam

Địa chỉ cơ quan: 18 Hoàng Quốc Việt, Nghĩa Đô, Cầu Giấy, Hà Nội

Điện thoại cơ quan: 024-37918010

Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học (nếu có):

- Đại học Khoa học và Công nghệ Hà Nội (USTH), Viện Hàn lâm Khoa học và Công
nghệ Việt Nam;
- Học viện Khoa học và Công nghệ (GUST), Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ
Việt Nam;
- Đại học Việt Nhật (VJU), Đại học Quốc gia Hà Nội;
- Đại học Hùng Vương;
- Đại học Mở Hà Nội.

8. Đã nghỉ hưu từ thángnăm

Nơi làm việc sau khi nghỉ hưu (nếu có):

Tên cơ sở giáo dục đại học nơi hợp đồng thỉnh giảng 3 năm cuối (tính đến thời điểm hết hạn
nộp hồ sơ): Học viện Khoa học và Công nghệ, Đại học Việt Nhật, Đại học Hùng Vương,
Đại học Mở Hà Nội.

9. Trình độ đào tạo:

- Được cấp bằng ĐH ngày 05 tháng 08 năm 1996; số văn bằng: B07718; ngành: Sinh- Kỹ
thuật nông nghiệp, chuyên ngành:; Nơi cấp bằng ĐH (trường,
nước): Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, Việt Nam

- Được cấp bằng ThS ngày 14 tháng 04 năm 2000; số văn bằng: 14826; ngành: Sinh học;
chuyên ngành: Di truyền học; Nơi cấp bằng ThS (trường, nước): Trường Đại học Sư phạm
Hà Nội, Việt Nam

- Được cấp bằng TS ngày 24 tháng 03 năm 2003; số văn bằng:; ngành: Khoa học
về Con người và Môi trường; chuyên ngành: Sinh học phân tử tế bào; Nơi cấp bằng TS
(trường, nước): Trường Đại học Nữ sinh Nara, Nhật Bản

- Được cấp bằng TSKH ngày ... tháng ... năm; số văn bằng:; ngành:;
chuyên ngành:; Nơi cấp bằng TSKH (trường, nước):

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS ngày tháng năm,
ngành:

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước
 11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh PGS tại HĐGS cơ sở: Học viện Khoa học và Công nghệ, Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh PGS tại HĐGS ngành, liên ngành: Sinh học

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

- Phân tích gen/ hệ gen một số loài thủy sản và phát triển chỉ thị phân tử phục vụ chọn giống;

- Nghiên cứu và phân tích metagenome;

- Nghiên cứu mô phỏng tương tác giữa protein và các phân tử khác.

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã hướng dẫn (số lượng) 01 NCS bảo vệ thành công luận án TS;

- Đã hướng dẫn (số lượng) 04 HVCH bảo vệ thành công luận văn ThS;

- Đã hoàn thành đề tài NCKH từ cấp cơ sở trở lên:

Đã chủ nhiệm 03 đề tài cấp Nhà nước; chủ nhiệm đề tài nhánh 01 đề tài cấp nhà nước;

Đã chủ nhiệm 01 đề tài cấp Bộ; chủ nhiệm đề tài nhánh 02 đề tài cấp Bộ;

Đã chủ nhiệm 03 đề tài cấp cơ sở.

- Đã công bố (số lượng) 48 bài báo khoa học, trong đó 16 bài báo khoa học trên tạp chí quốc tế có uy tín;

- Đã được cấp (số lượng) bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích;

- Số lượng sách đã xuất bản, trong đó thuộc nhà xuất bản có uy tín;

- Số lượng tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục, thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế:

15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu):

16. Kỷ luật (hình thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết định):

B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ/PHÓ GIÁO SƯ

1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo: Ứng viên đáp ứng các tiêu chuẩn, hoàn thành tốt các nhiệm vụ của một nhà giáo (Giảng viên thỉnh giảng)

2. Thời gian, kết quả tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên:

- Tổng số năm thực hiện nhiệm vụ đào tạo: 11 năm 8 tháng

- Khai cụ thể ít nhất 06 năm học, trong đó có 03 năm học cuối liên tục tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ (ứng viên GS chỉ khai 3 năm cuối liên tục sau khi được công nhận PGS):

TT	Năm học	Số lượng NCS đã hướng dẫn		Số lượng ThS/CK2/BSNT đã hướng dẫn	Số đồ án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD	Số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp		Tổng số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp/số giờ chuẩn gd quy đổi/số giờ chuẩn định mức (*)
		Chính	Phụ			ĐH	SDH	
1	2010-2011						HĐCH 6x2=12 +9 = 21	21/21 /135

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

2	2011-2012					$41 \times 2 = 82$	HĐCH $30 \times 2 = 60$	142/142/135
3	2012-2013			1ThS (70)		$24 \times 2 \times 1,3 = 62,4$ $+ 32 = 94,4$	HĐCH $19 + 30 = 49$	143,4/213,4/135
4	2013-2014					$18 \times 2 \times 1,5 = 54$ $+ 24 = 78$	HĐCH $12 \times 2 = 24$	102/102/135
5	2014-2015			1ThS (70)				0/70/135
6	2017-2018			1ThS (70)	1ĐH (10)		HĐNCS $30 \times 2 = 60$	60/140/135
7	2018-2019	1 NCS (25)						0/25/135
8	2019-2020	1 NCS (50)					HĐNCS $30 \times 2 = 60$	60/110/135
9	2020-2021	1 NCS (50)	1NCS (25)		1ĐH (25)		HĐNCS $30 \times 2 = 60$	60/175/135
03 năm học cuối								
10	2021-2022	1 NCS (50)	2NCS ($2 \times 25 = 50$)		1ĐH (25)		HĐNCS $30 \times 2 = 60$ HĐCH 15	75/200/135
11	2022-2023	1 NCS (25)	2NCS ($2 \times 25 = 50$)	1ThS (70)			HĐNCS $60 \times 2 = 120$ HĐCH 60	180/325 /135
12	2023-2024		1NCS (25)		1ĐH (10)		HĐNCS $30 \times 2 = 60$ HĐCH $30 \times 1,5 = 45$	105/140/135

(*) - Trước ngày 25/3/2015, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Quyết định số 64/2008/QĐ-BGDĐT ngày 28/11/2008, được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước số 36/2010/TT-BGDĐT ngày 15/12/2010 và Thông tư số 18/2012/TT-BGDĐT ngày 31/5/2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ 25/3/2015 đến trước ngày 11/9/2020, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT;

- Từ ngày 11/9/2020 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc của giảng viên cơ sở giáo dục đại học ban hành kèm theo Thông tư số 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27/7/2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT; định mức giờ chuẩn giảng dạy theo quy định của thủ trưởng cơ sở giáo dục đại học, trong đó định mức của giảng viên thỉnh giảng được tính trên cơ sở định mức của giảng viên cơ hữu.

3. Ngoại ngữ:

3.1. Tên ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: tiếng Anh

a) Được đào tạo ở nước ngoài:

- Học ĐH ; Tại nước:; Từ năm đến năm

- Bảo vệ luận văn ThS hoặc luận án TS hoặc TSKH ; tại nước: Nhật Bản năm 2003

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước:

- Trường ĐH Ngoại ngữ, Đại học Quốc gia Hà Nội cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ: tiếng Anh (hệ Tại chức), số bằng: B67894; năm cấp: 1997

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài:

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ: tiếng Anh.

- Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước): Đại học Khoa học và Công nghệ Hà Nội (USTH), Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam; Đại học Việt Nhật (VJU), Đại học Quốc gia Hà Nội, Việt Nam.

d) Đối tượng khác ; Diễn giải:

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ): Bằng Tốt nghiệp Đại học, loại hình đào tạo: Tại chức.

4. Hướng dẫn NCS, HVCH/CK2/BSNT đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng

TT	Họ tên NCS hoặc HVCH/CK2/BSNT	Đối tượng		Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn từ ... đến ...	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HVCH/CK2/BSNT	Chính	Phụ			
1	Trần Trung Thành		X	X		2012-2013	Viện Sinh thái và Tài nguyên Sinh vật, Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ VN	Ngày 18/04/2014 đã được cấp bằng Thạc sĩ số hiệu: 5632
2	Nguyễn Thị Thùy Linh		X	X		2014-2015	Trường Đại học Khoa học, Đại Học Thái Nguyên	QĐ công nhận tốt nghiệp và cấp bằng thạc sĩ đợt 2 năm 2015 số 123/QĐ-

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

								ĐHKH ngày 18/3/2016.
3	Nguyễn Thị Hoa		X	X		2017-2018	Viện Sinh thái và Tài nguyên Sinh vật, Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ VN	Ngày 04/06/2019 đã được cấp bằng Thạc sĩ số hiệu: 7530
4	Trần Thị Huyền Trang	X		X		2018-2023	Học viện Khoa học và Công nghệ, Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam	Ngày 15/11/2023 đã được cấp bằng Tiến sĩ số hiệu: GUST/TS598
5	Nguyễn Thị Hồng Nhung		X	X		2022-2023	Học viện Khoa học và Công nghệ, Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam	QĐ công nhận tốt nghiệp và cấp bằng thạc sĩ số 873/QĐ-HVKHCN ngày 07/07/2023.

Ghi chú: Ứng viên chức danh GS chỉ kê khai thông tin về hướng dẫn NCS.

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên:

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phần biên soạn (từ trang ... đến trang)	Xác nhận của cơ sở GDDH (số văn bản xác nhận sử dụng sách)
I	Trước khi được công nhận PGS/TS						
1							
2							
...							
II	Sau khi được công nhận PGS/TS						
1							
2							
...							

Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) sách chuyên khảo do nhà xuất bản có uy tín xuất bản và chương sách do nhà xuất bản có uy tín trên thế giới xuất bản, mà ứng viên là chủ biên sau PGS/TS: [],.....

Lưu ý:

- Chỉ kê khai các sách được phép xuất bản (Giấy phép XB/Quyết định xuất bản/số xuất bản), nộp lưu chiểu, ISBN (nếu có).

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước
 - Các chữ viết tắt: CK: sách chuyên khảo; GT: sách giáo trình; TK: sách tham khảo; HD: sách hướng dẫn; phần ứng viên biên soạn cần ghi rõ từ trang.... đến trang..... (ví dụ: 17-56; 145-329).

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu:

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PCN/TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)/Xếp loại KQ
I	Trước khi được công nhận PGS/TS				
1					
2					
...					
II	Sau khi được công nhận PGS/TS				
1	Nghiên cứu giải trình tự một phần bộ gen và xây dựng cơ sở dữ liệu genome tôm sú (<i>P. monodon</i>)	Chủ nhiệm	Đề tài cấp nhà nước thuộc Đề án phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học trong lĩnh vực thủy sản, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	2008-2011	Hội đồng nghiệm thu theo Quyết định số 2785/QĐ-BKHCN ngày 14/11/2011, họp ngày 25/4/2012 Xếp loại KQ: Đạt
2	Sử dụng chỉ thị phân tử để nghiên cứu cá Bu lu (<i>Spinibarbus hoenoti</i> sp. n) được phát hiện ở sông Đakrông, Quảng Trị, Việt Nam	Chủ nhiệm	Đề tài cơ sở cấp Viện Nghiên cứu hệ gen	01/2014 - 12/2014	Hội đồng nghiệm thu theo Quyết định số 45/QĐ-THTT ngày 03/03/2016, họp ngày 17/03/2016 Xếp loại KQ: Đạt
3	Phát triển tính toán khoa học chuyên ngành trên cơ sở máy tính hiệu năng cao chia sẻ tải nguyên tại Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ VN	Chủ nhiệm đề tài nhánh	Đề tài độc lập cấp Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam	2013 - 2015	Hội đồng nghiệm thu theo Quyết định số 85/QĐ-NCHG ngày 02/12/2014, họp ngày 10/12/2014 Xếp loại KQ: Đạt
4	Phân tích hệ gen biểu hiện (exome + transcriptome) của cá tra nhằm phát triển chỉ thị phân tử phục vụ chọn giống cá tra	Chủ nhiệm	Đề tài cấp nhà nước thuộc Đề án phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học trong lĩnh vực thủy sản, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	2014-2018	Hội đồng nghiệm thu theo Quyết định số 2326/QĐ-BNN-KHCN ngày 18/06/2018, họp ngày 23/06/2018

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

	theo hướng tăng trưởng				Xếp loại KQ: Đạt
5	Phân lập và xác định trình tự cDNA mã hóa insulin-like growth factor I và II (IGF I và IGF-II) ở cá tra nuôi	Chủ nhiệm	Đề tài cơ sở cấp Viện Nghiên cứu hệ gen	01/2016 - 12/2016	Hội đồng nghiệm thu theo Quyết định số 201/QĐ-NCHG ngày 21/12/2016, họp ngày 29/12/2016 Xếp loại KQ: Đạt
6	Nghiên cứu các giải pháp kỹ thuật và quản lý nhằm kiểm soát hiệu quả bệnh sưng vôi trên tu hài (<i>Lutreria philippinarum</i> Reeve, 1854) nuôi tại Việt Nam	Chủ nhiệm đề tài nhánh	Đề tài cấp Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	2017-2018	Hội đồng nghiệm thu theo Quyết định số 887/QĐ-BNN-TCTS ngày 18/03/2019, họp ngày 12/06/2019 Xếp loại KQ: Đạt
7	Phân tích metagenomic nhằm xác định virus gây bệnh sưng vôi trên tu hài (<i>Lutreria philippinarum</i>) nuôi tại Việt Nam	Chủ nhiệm	Đề tài hợp tác quốc tế VAST-JSPS (cấp Viện Hàn lâm KH và CN VN) Mã số: VAST.HTQT.NHATBAN.02/17-19	2017-2020	Hội đồng nghiệm thu theo Quyết định số 59/QĐ-VHL ngày 18/01/2021, họp ngày 26/01/2021 Xếp loại KQ: Xuất sắc
8	Phân tích hệ gen của cá tra nhằm phát triển chỉ thị phân tử phục vụ chọn giống cá tra theo hướng tăng trưởng (pha 2)	Chủ nhiệm	Đề tài cấp nhà nước thuộc Đề án phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học trong lĩnh vực thủy sản, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	2019-2021	Hội đồng nghiệm thu theo Quyết định số 5025/QĐ-BNN-KHCN ngày 24/12/2021, họp ngày 27/12/2021 Xếp loại KQ: Đạt
9	Ứng dụng công nghệ sinh học chọn giống cá tra (<i>Pangasianodon hypophthalmus</i>) kháng bệnh gan thận mũ	Chủ nhiệm đề tài nhánh	Đề tài cấp nhà nước thuộc Đề án phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học trong lĩnh vực thủy sản, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	2019-2021	Hội đồng nghiệm thu theo Quyết định số 5025/QĐ-BNN-KHCN ngày 24/12/2021, họp ngày 27/12/2021 Xếp loại KQ: Đạt
10	Nghiên cứu họ gen calpain và sự liên quan của chúng đối với tình trạng sinh trưởng ở cá tra nuôi	Chủ nhiệm	Đề tài cơ sở cấp Viện Nghiên cứu hệ gen	2022-2023	Hội đồng nghiệm thu theo Quyết định số 443/QĐ-NCHG ngày 01/12/2023, họp ngày 06/12/2023

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

(<i>Pangasianodon hypophthalmus</i>)				Xếp loại KQ: Đạt
--	--	--	--	------------------

- Các chữ viết tắt: CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thư ký.

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, báo cáo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế):

7.1.a. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố:

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
Trước khi được công nhận TS								
1	Ứng dụng công nghệ DNA trong nghiên cứu tài nguyên động vật và thực vật Việt Nam	9		<i>Báo cáo khoa học, Hội nghị Công nghệ sinh học toàn quốc, Khách sạn Thăng Lợi, Hà Nội</i>			1197-1204	12/1999
Sau khi được công nhận TS								
Bài báo thuộc tạp chí ISI								
2	Highly divergent actins from Karyorelictean, Heterotrich, and Litostome ciliates	4	TGD	<i>Journal of Eukaryotic Microbiology</i> / 1066-5234	ISI (2.2/2022, Q3)	16	51, 2, 227-233	2005
3	Newly sequenced eRF1s from ciliates: the diversity of stop codon usage and the molecular surfaces that are important for stop codon interactions.	4	TGD	<i>Gene/</i> 0378-1119	ISI (3.5/2022, Q2)	41	346, 277-286	2005

4	Amino acid residue doublet propensity in the protein-RNA interface and its application to RNA interface prediction.	3	TGD	<i>Nucleic Acids Research/</i> 0305-1048	ISI (14.9/2022 Q1)	137	34, 22, 6450- 6460	2006
5	Ciliates use both variant and universal genetic codes: evidence of omnipotent eRF1s in the class Litostomatea.	6	TGD	<i>Gene/</i> 0378-1119	ISI (3.5/2022, Q2)	6	417, 51-58	2008
6	A single amino acid substitution alters omnipotent eRF1 of <i>Dileptus</i> to Euplotes-type dualpotent eRF1: standard codon usage may be advantageous in raptorial ciliates	6		<i>Protist/</i> 1434-4610	ISI (2.5/2022, Q3)	2	164, 3, 440- 449	2013
7	Complete human mtDNA genome sequences from Vietnam and the phylogeography of Mainland Southeast	16		<i>Scientific reports/</i> 2045-2322	ISI (4.6/2022, Q1)	33	8, 11651	2018
8	A draft genome of the striped catfish, <i>Pangasianodon hypophthalmus</i> , for comparative analysis of genes relevant to development and a resource for aquaculture improvement	13	TGD+1	<i>BMC Genomics/</i> 1471-2164	ISI (4.4/2022, Q1)	41	19, 733	2018

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

9	A novel circular ssDNA virus of the phylum Cressdnaviricota discovered in metagenomic data from otter clams (<i>Lutraria rhynchaena</i>)	11	TGD	<i>Archive of Virology/0304-8608</i>	ISI (2.7/2022, Q2)	2	165, 2921–2926	2020
10	Characterization of single nucleotide polymorphism in IGF1 and IGF1R genes associated with growth traits in striped catfish (<i>Pangasianodon hypophthalmus</i> Sauvage, 1878)	6	TGLH	<i>Aquaculture/0044-8486</i>	ISI (5.135/2021, Q1)	13	538, e736542	2021
11	Comparative Analysis of Mitochondrial Genomes in Gryllidea (Insecta: Orthoptera): Implications for Adaptive Evolution in Ant-Loving Crickets.	15		<i>Genome Biology and Evolution/1759-6653</i>	ISI (3.3/2022, Q1)	13	13, 10, evab222	2021
12	Accuracies of genomic predictions for disease resistance of striped catfish to <i>Edwardsiella ictaluri</i> using artificial intelligence algorithms	6		<i>G3 (Bethesda) Genes Genomes Genetics / 2160-1836</i>	ISI (2.6/2022, Q1)	6	12, 1, jkab361	2022
13	Host Genetic Risk Factors Associated with COVID-19 Susceptibility and Severity in Vietnamese	10		<i>Genes/2073-4425</i>	ISI (3.5/2022, Q2)	12	13, 10, e1884	2022

14	Novel single nucleotide polymorphisms of insulin-like growth factor-binding protein 7 (IGFBP7) gene significantly associated with growth traits in striped catfish (<i>Pangasianodon hypophthalmus</i> Sauvage, 1878)	6	TGLH	<i>Molecular Genetics and Genomics/ 1617-4615</i>	ISI (3.1/2022, Q2)		298, 883–893	2023
Bài báo thuộc tạp chí Scopus/ ESCI/ khác								
15	Sequencing and bioinformatics analyses of ciliate eRF1s toward understanding stop codon recognition	4	TGD	<i>The Japanese Journal of Protozoology / 0388-3752</i>			39, 1, 143-144	2006
16	<i>In vivo</i> complementation test of <i>Didinium nasutum</i> eRF1 in yeast understanding stop codon usage in this species	3		<i>The Japanese Journal of Protozoology / 0388-3752</i>			40, 1, 70-71	2007
17	How is ciliate eukaryotic release factor 1 (eRF1) different from conventional eRF1? – <i>In vivo</i> complementary activity of <i>Dileptus</i> eRF1 –	3	TGD	<i>The Japanese Journal of Protozoology / 0388-3752</i>			40, 1, 52-54	2007
18	The relation between the stop codon reassignment and the specificity of eukaryotic release factor 1 (eRF1) in <i>Blepharisma</i>	3	TGD	<i>The Japanese Journal of Protozoology / 0388-3752</i>		2	41, 1, 44-46	2008

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

19	Investigation of amino acid residues of eRF1 which are responsible for stop codon recognition in ciliates	3		<i>The Japanese Journal of Protozoology</i> / 0388-3752			42, 1, 21-22	2009
20	Amino acid residues involved in stop codon recognition in ciliate eRF1	3		<i>The Japanese Journal of Protozoology</i> / 0388-3752			43, 1, 60-61	2010
21	Study on the stop codon recognition of eRF1 in <i>Loxodes striatus</i>	4		<i>The Japanese Journal of Protozoology</i> / 0388-3752			44, 1, 33-34	2011
22	<i>In silico</i> studies for the interaction of tumor necrosis factor-alpha (TNF- α) with different saponins from Vietnamese ginseng (<i>Panax vietnamensis</i>)	4	TGD	<i>Biophysics and Physicobiology</i> / 2189-4779	Scopus/ ESCI (1.176/2022, Q3)	24	13, 173-180	2016
23	The complete mitochondrial genome sequence of the indigenous I pig (<i>Sus scrofa</i>) in Vietnam.	5		<i>Asian-Australasian Journal of Animal Sciences</i> / 0367-8318	Scopus (2.694/2021)	17	30, 7, 930-937	2017
24	Meta-genome sequences from the environment of diseased otter clams, <i>Lutraria rhynchaena</i> , in a farm of Vietnam.	11	TGLH	<i>Microbiology Resource Announcements</i> / 2576-098X	Scopus/ ESCI (1.535/2019, Q3)	1	9, 2, e01068-19	2020
Bài báo thuộc tạp chí KHCN quốc gia								

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

25	Phân lập và xác định trình tự hoàn chỉnh cDNA mã hóa Syntenin liên quan đến đáp ứng miễn dịch đối với bệnh đốm trắng ở tôm sú (<i>Penaeus monodon</i>).	5		<i>Tạp chí Công nghệ sinh học/ 1811-4989</i>			8, 2, 155-163	2010
26	Modification of vip3A gene to improve its expression in plants.	5		<i>Tạp chí Công nghệ sinh học/ 1811-4989</i>			8, 3, 309-316	2010
27	Tạo dòng và xác định trình tự cDNA mã hóa protein rab7 liên quan đến cơ chế nhiễm virus gây bệnh đốm trắng ở tôm sú (<i>Penaeus monodon</i>)	5		<i>Tạp chí Công nghệ sinh học/ 1811-4989</i>			8, 3A, 481-487	2010
28	Phân tích đa dạng kiểu đơn bội trong quần thể tôm sú (<i>Penaeus monodon</i>) Việt Nam dựa trên trình tự đoạn điều khiển genome ty thể (D-Loop)	6	TGD	<i>Tạp chí Công nghệ sinh học/ 1811-4989</i>			8, 4, 1801-1808	2010
29	Tạo dòng và xác định trình tự cDNA mã hóa protein antivirus liên quan đến cơ chế kháng virus ở tôm sú (<i>Penaeus monodon</i>)	4		<i>Tạp chí Khoa học và Công nghệ Đại học Thái Nguyên/ 1859-2171</i>			85, 9, 161-164	2011

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

30	Tạo dòng và xác định trình tự đoạn gen mã hóa protein Rho liên quan đến cơ chế thực bào ở tôm sú (<i>Penaeus monodon</i>)	3		<i>Tạp chí Khoa học và Công nghệ Đại học Thái Nguyên/ 1859-2171</i>			96, 8, 145- 150	2012
31	Tạo dòng và xác định trình tự cDNA mã hóa peptide tương tự crustin ở tôm sú (<i>Penaeus monodon</i>)	4		<i>Tạp chí Khoa học và Công nghệ Đại học Thái Nguyên/ 1859-2171</i>			97, 9, 87-92	2012
32	Tạo dòng và xác định trình tự cDNA mã hóa protein ran liên quan đến cơ chế thực bào ở tôm sú (<i>Penaeus monodon</i>)	4		<i>Tạp chí Khoa học và Công nghệ Đại học Thái Nguyên/ 2615-9759</i>			50, 3D, 726- 736	2012
33	Phân lập và xác định trình tự hoàn chỉnh cDNA mã hóa hemocyanin liên quan đến đáp ứng miễn dịch ở tôm sú (<i>Penaeus monodon</i>)	4		<i>Tạp chí Công nghệ sinh học/ 1811-4989</i>			10, 1, 49-58	2012
34	Tách dòng và biểu hiện gen ALFPm3 mã hóa yếu tố kháng Lipopolysaccharide từ tôm sú (<i>Penaeus monodon</i>) trong nấm men <i>Pichia pastoris</i>	5		<i>Tạp chí Công nghệ sinh học/ 1811-4989</i>			11, 3, 555- 563	2013
35	Application of genotyping by sequencing (GBS) for screening single nucleotide polymorphism (SNPs) associated with	17		<i>Tạp chí Công nghệ sinh học/ 1811-4989</i>			16, 1, 75-85	2018

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

	Black Tiger Shrimp (<i>Penaeus monodon</i>) growth trait							
36	Xây dựng cơ sở dữ liệu hệ gen cá tra Việt Nam	4	TGLH	<i>Tạp chí Công nghệ sinh học/ 1811-4989</i>			17, 3, 449-454	2019
37	Phân tích cấu trúc gen mã hóa insulin-like growth factor 2 (IGF2) ở cá tra nuôi (<i>Pangasianodon hypophthalmus</i>)	5	TGLH	<i>Tạp chí Công nghệ sinh học/ 1811-4989</i>			17, 3, 455-463	2019
38	Ứng dụng của chỉ thị SNP trong nghiên cứu di truyền chọn giống thủy sản	4		<i>Tạp chí Nông nghiệp & Phát triển nông thôn/ 1859-4581</i>			19, 96 - 104	2021
39	Clasification of the multigene family of fatty acid binding proteins (FABPs) and transcription profile of the genes in striped catfish (<i>Pangasianodon hypophthalmus</i>)	5	TGLH	<i>Tạp chí Công nghệ sinh học/ 1811-4989</i>			19, 2, 259-270	2021
40	Genomics and big data: Research, development and applications	8		<i>Tạp chí Công nghệ sinh học/ 1811-4989</i>		1	19, 3, 393-410	2021
41	Phát triển chỉ thị phân tử liên quan đến tính trạng sinh trưởng dựa trên tổ hợp SNP từ các gen thuộc hệ thống insulin-like growth factor (IGF) của cá tra nuôi	2	TGLH	<i>Tạp chí Nông nghiệp & Phát triển nông thôn/ 1859-4581</i>			Số đặc biệt Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo,	2023

	<i>(Pangasianodon hypophthalmus)</i>						Tháng 10/2023, 5-15	
42	Significant association between a non-synonymous SNP in IGFBP5 gene and the growth of striped catfish (<i>Pangasianodon hypophthalmus</i> , Sauvage, 1878)	6	TGLH	<i>Tạp chí Công nghệ sinh học/ 2815-5955</i>			21, 1, 55-65	2023
43	Non-synonymous polymorphism in IGFBP-3 gene associated with growth traits in striped catfish (<i>Pangasianodon hypophthalmus</i> , Sauvage, 1878).	4	TGLH	<i>Tạp chí Công nghệ sinh học/ 2815-5955</i>			21, 2, 293-304	2023
Báo cáo toàn văn Hội thảo quốc gia								
44	Phân lập và xác định trình tự một số gen liên quan đến hệ miễn dịch của tôm sú (<i>Penaeus monodon</i>).	7	TGD	<i>Hội nghị Công nghệ sinh học toàn quốc năm 2009/ISBN: 978-604-913-759-4</i>			297-301	2009
45	Tạo dòng và xác định trình tự cDNA mã hóa protein caspase liên quan đến cơ chế apoptosis ở tôm sú (<i>Penaeus monodon</i>).	4		<i>Hội nghị khoa học quốc gia về nghiên cứu và giảng dạy sinh học/ISBN: 978-604-60-0157-7</i>			810-816	2012
46	Phân tích cấu trúc một số gen Insulin-Like Growth Factor Binding Protein (IGFBP) ở cá tra nuôi	5	TGLH	<i>Hội nghị Công nghệ sinh học toàn quốc năm 2019/ ISBN: 978-604-913-759-4</i>			17-25	2019

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

	(<i>Pangasianodon hypophthalmus</i>).							
47	Phân tích biểu hiện của các gen myosin chuỗi nhẹ (<i>mlc</i>) ở hai dòng cá tra (<i>Pangasianodon hypophthalmus</i>) khác biệt về tăng trưởng.	5	TGLH	Hội nghị Công nghệ sinh học toàn quốc năm 2021/ ISBN: 978-604-913-759-4			89-94	2021
48	Đột biến sinh dưỡng mới tại codon 588 của gen tiền ung thư <i>RET</i> ở bệnh nhân ung thư tuyến giáp thể tủy	5		Hội nghị Công nghệ Sinh học Toàn quốc năm 2023/ ISBN: 978-604-913-759-4			383-387	2023

- Trong đó: 10 bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế có uy tín mà UV là tác giả chính sau TS, bao gồm bài báo có số thứ tự 2, 3, 4, 5, 8, 9, 10, 14, 22, 24.

7.1.b. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố (Dành cho các chuyên ngành thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự được quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg)

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỹ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Thuộc danh mục tạp chí uy tín của ngành	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
I	Trước khi được công nhận PGS/TS						
1							
2							
...							
II	Sau khi được công nhận PGS/TS						
1							
2							
...							

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học uy tín của ngành mà UV là tác giả chính sau PGS/TS:

7.2. Bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

TT	Tên bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích	Tên cơ quan cấp	Ngày tháng năm cấp	Tác giả chính/đồng tác giả	Số tác giả
1					
2					
...					

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích được cấp, là tác giả chính sau PGS/TS:

7.3. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế (đối với ngành Văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao)

TT	Tên tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu TDTT	Cơ quan/tổ chức công nhận	Văn bản công nhận (số, ngày, tháng, năm)	Giải thưởng cấp Quốc gia/Quốc tế	Số tác giả
1					
2					
...					

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu đạt giải thưởng quốc tế, là tác giả chính/hướng dẫn chính sau PGS/TS:

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình/dự án/đề tài nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế:

TT	Chương trình đào tạo, chương trình nghiên cứu ứng dụng KHCN	Vai trò UV (Chủ trì/ Tham gia)	Văn bản giao nhiệm vụ (số, ngày, tháng, năm)	Cơ quan thẩm định, đưa vào sử dụng	Văn bản đưa vào áp dụng thực tế	Ghi chú
1						
2						
...						

9. Các tiêu chuẩn không đủ so với quy định, đề xuất công trình khoa học (CTKH) thay thế*:

a) Thời gian được bổ nhiệm PGS

Được bổ nhiệm PGS chưa đủ 3 năm, còn thiếu (số lượng năm, tháng):

b) Hoạt động đào tạo

- Thâm niên đào tạo chưa đủ 6 năm (UV PGS), còn thiếu (số lượng năm, tháng):

- Giờ giảng dạy

+ Giờ chuẩn giảng dạy trực tiếp trên lớp không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu): Năm học 2020-2021/ thiếu 7,5 giờ

+ Giờ chuẩn giảng dạy quy đổi không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

- Hướng dẫn chính NCS/HVCH,CK2/BSNT:

+ Đã hướng dẫn chính 01 NCS đã có Quyết định cấp bằng TS (UV chức danh GS)

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước
Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 NCS được cấp bằng TS bị thiếu:

.....
+ Đã hướng dẫn chính 01 HVCH/CK2/BSNT đã có Quyết định cấp bằng ThS/CK2/BSNT (UV chức danh PGS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 HVCH/CK2/BSNT được cấp bằng ThS/CK2/BSNT bị thiếu:

c) Nghiên cứu khoa học

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ (UV chức danh GS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ bị thiếu:

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở (UV chức danh PGS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở bị thiếu:

- Không đủ số CTKH là tác giả chính sau khi được bổ nhiệm PGS hoặc được cấp bằng TS:

+ Đối với ứng viên chức danh GS, đã công bố được: 03 CTKH ; 04 CTKH

Đề xuất sách CKUT/chương sách của NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 05 CTKH là tác giả chính theo quy định:

+ Đối với ứng viên chức danh PGS, đã công bố được: 02 CTKH

Đề xuất sách CKUT/chương sách NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 03 CTKH là tác giả chính theo quy định:

Chú ý: Đối với các chuyên ngành bí mật nhà nước thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự, các tiêu chuẩn không đủ về hướng dẫn, đề tài khoa học và công trình khoa học sẽ được bù bằng điểm từ các bài báo khoa học theo quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg.

d) Biên soạn sách phục vụ đào tạo (đối với ứng viên GS)

- Không đủ điểm biên soạn sách phục vụ đào tạo:

- Không đủ điểm biên soạn giáo trình và sách chuyên khảo:

C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Hà Nội, ngày 26 tháng 06 năm 2024

NGƯỜI ĐĂNG KÝ

(Ký và ghi rõ họ tên)



Kim Thị Phương Anh